

Bản án số: **85/2018/HC-PT**

Ngày: 31/5/2018

V/v Yêu cầu hủy quyết định
hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Long

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Kim Nhân

Ông Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Đình Vân Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đặng Thọ Định – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 76/2017/TLPT-HC ngày 21 tháng 11 năm 2017 về “Yêu cầu hủy quyết định hành chính”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76A/2018/QĐXXPT-HC ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Dương Quang L.

Địa chỉ: 817 Đường P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị L1; Theo giấy ủy quyền ngày 05/5/2017.

Địa chỉ: 817 Đường P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Trụ sở: 02 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Ngọc Th – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt trong

phiên tòa phúc thẩm: văn bản số 499/UBND-NC ngày 14/3/2018.

- **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Plei Ku, tỉnh Gia Lai.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kim Đ – Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai; Theo văn bản ủy quyền số 12/GUQ-UBND ngày 22/8/2016; Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị L1

Địa chỉ: 817 Đường P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

- Bà Hồ Thị S

Địa chỉ: 428 đường L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị S: Ông Nguyễn Văn Hiếu; Địa chỉ: Tổ 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Theo giấy ủy quyền ngày 26/3/2018; Vắng mặt.

- Ông Hồ Xuân C

- Bà Trần Thị H

Cùng địa chỉ: Tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Đều vắng mặt.

- Ông Phan Xuân T

Địa chỉ: 02/14 đường PĐP, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị Thùy V

Địa chỉ: Tổ 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Dương Quang L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Dương Quang L trình bày:

Năm 1985 gia đình ông bà được Ủy ban nhân dân xã B và Tập đoàn X phân cho lô đất cùng đợt với 21 hộ khác. Vị trí đất của gia đình ông bà là một nền khu gia binh chế độ cũ, sau đoàn địa chất 701. Nay thuộc tổ 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, diện tích 1.000m². Đây là đôi đất lấy cơ sở hạ tầng của địa phương, người thi gạch, xi măng để xây trụ sở còn gia đình ông bà phải đóng 70.000 đồng và chịu trách nhiệm ủi con đường NBK dài 300m như ngày nay.

Gia đình ông bà canh tác lô đất nền được 01 năm thì chính quyền địa phương thương lượng là gộp lô đất của gia đình bà vào 2.000m² ở bên trong để chia thành 3 lô đều có mặt đường kiệt. Gia đình ông bà nhận lô sát vườn ông L2, 02 lô còn lại bỏ hoang. Gia đình ông bà san ủi nền nhà và nhờ chú Ph, anh T1 đào một cái giếng và xây thành bằng xi măng, rào xung quanh bằng kẽm gai, trồng 60 cây cà phê và một số cây khác. Ông bà có gửi một ít gỗ dự định làm nhà và dụng cụ làm vườn ở trong nhà ông L2, khi nào làm vườn thì lấy, ông bà canh tác vườn 5,

6 năm được gia đình ông L2 vui vẻ ủng hộ không có ý kiến gì.

Đến năm 1991 ông L đi công tác, bà đến thu bói cả phê thì bị gia đình ông L2 dùng dao búa hung hăng hành hung, cản trở, ông L2 và bà S nói rằng đây là lô đất chính quyền địa phương đã khoán lại cho gia đình họ. Vì quyền lợi của ông bà bị xâm hại nên ông bà đã khiếu nại đến các cấp có thẩm quyền giải quyết.

Sự việc trên được báo cáo đến UBND xã B và đã điều tra xác minh cụ thể, giải quyết với nội dung: ông Dương Quang L được sử dụng lô đất nền khu gia binh chế độ cũ để làm nhà ở - ông Nguyễn Đình L2 thì liên hệ với UBND xã B để làm thủ tục xin nhận khoán 2000m² đất bên ngoài.

Nhưng sau đó gia đình ông L2 không thực hiện theo Thông báo của UBND xã B mà còn cố tình lấn chiếm diện tích đất của gia đình ông, bà. Chính việc tranh chấp này mà ông, bà đã gửi đơn đến nhiều cấp, nhiều nơi, yêu cầu để giải quyết. Vụ việc kéo dài đến năm 2006 thì gia đình ông L2 thấy rõ đúng sai, bà S, anh Hiếu đã đồng ý và ký Biên bản cũng như đóng cột mốc 2 bên tiến hành làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chấm dứt việc tranh chấp kéo dài nhiều năm với sự chứng kiến của đại diện UBND thành phố P, UBND phường Y và các ban ngành.

Phần đất sau khi 2 gia đình thỏa thuận được 1000m² thuộc sở hữu gia đình ông bà, gia đình ông bà đã rào dậu và sử dụng. Tám tháng sau ông L2 ốm đau rồi chết, bà S lại tiếp tục khiếu nại và tranh chấp với gia đình ông bà.

Ngày 24/8/2012 UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 1771/QĐ-UBND với nội dung chia đôi diện tích đất 1000m² của ông bà cho hai gia đình, không đồng ý với quyết định này ông tiếp tục khiếu nại. Đến ngày 10/12/2012 chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UBND không công nhận khiếu nại của gia đình ông bà.

Hiện nay có nhiều Quyết định chồng chéo gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của gia đình ông bà. Ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Chủ tịch UBND thành phố P tỉnh Gia Lai về việc giải quyết tranh chấp đất giữa gia đình bà Hồ Thị S với gia đình ông Dương Quang L trên lô đất tại tổ 4, phường Y, thành phố P và Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Quang L và hộ bà Hồ Thị S (đã được UBND thành phố P giải quyết lần đầu tại Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012).

2. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L1 trình bày:*
Thông nhất với ý kiến của người khởi kiện.

3. *Người bị kiện chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có văn bản số*

1760/UBND-NC ngày 18/5/2017 về việc ghi ý kiến đối với đơn khởi kiện của ông Dương Quang L đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án vắng mặt Chủ tịch UBND tỉnh (Chủ tịch UBND tỉnh cũng không ủy quyền người tham gia tố tụng), đồng thời thể hiện ý kiến về vụ án như sau:

Việc khiếu nại của ông Dương Quang L đã được UBND xã B giải quyết theo thông báo ngày 12/7/1993, nội dung: Yêu cầu ông Nguyễn Đình L2 thu hoạch hoa màu đang trồng trọt đến hết ngày 30/12/1993, giao lại 1.000m² đất cho ông Dương Quang L (không có kích thước, vị trí, giới cận). Tuy nhiên, việc giải quyết trên vẫn không mang lại sự thỏa mãn giữa hai bên. Thực tế, ông Nguyễn Đình L2 vẫn là người trực tiếp sử dụng diện tích đất trên để trồng cây công nghiệp lâu năm dẫn đến diễn biến vụ việc trở nên phức tạp, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn.

Ngày 01/7/2005, ông L tiếp tục làm đơn khiếu nại lên UBND thành phố P. Ngày 09/12/2005, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1046/QĐ-CT giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông L và ông L2, với nội dung: Công nhận Đơn kiến nghị của ông Dương Quang L, ông Nguyễn Đình L2 có trách nhiệm giao trả diện tích 1.000m² đất nông nghiệp mà ông đang chiếm dụng của ông L.

Không đồng ý với Quyết định số 1046/QĐ-CT ngày 09/12/2005 của UBND thành phố P, ông L2 khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai. Ngày 27/12/2005, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết số 516/QĐ-CT với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông L2, công nhận Quyết định số 1046/QĐ-CT của Chủ tịch UBND thành phố P.

Không đồng ý với Quyết định số 516/QĐ-CT ngày 27/12/2005 của UBND tỉnh, bà Hồ Thị S có Đơn tiếp khiếu nại (lúc này ông L2 đã chết). Sau khi kiểm tra lại kết quả giải quyết vụ việc tranh chấp, ngày 07/5/2006, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 636/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 516/QĐ-CT ngày 13/4/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai và Quyết định số 1046/QĐ-CT ngày 09/12/2005 của Chủ tịch UBND thành phố P; giao Chủ tịch UBND thành phố P kiểm tra, xác minh và giải quyết lại vụ việc tranh chấp này.

Ngày 24/8/2012, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1771/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa gia đình bà Hồ Thị S và ông Dương Quang L. Nội dung quyết định thể hiện:

+ Đối với ông Dương Quang L: Việc Tập đoàn thôn 5, xã B giao đất cho ông Dương Quang L được UBND xã B xác nhận năm 1991 là sai thẩm quyền theo quy định tại Điều 13, Luật đất đai 1987. Sau khi được giao đất, ông L có nhận đất để sử dụng: đào giếng, trồng cà phê.

+ Đối với bà Hồ Thị S: Năm 1978, Tập đoàn sản xuất X, thôn 5, xã B được thành lập, toàn bộ diện tích đất sản xuất nhân dân tự khai hoang từ trước đều đưa

vào tập đoàn để làm ăn tập thể. Phần đất 1.000m² này, gia đình bà S sử dụng ngoài hạn mức đã được giao theo quy định của Tập đoàn lúc bấy giờ là trái quy định tại Điều 27, Luật đất đai năm 1987.

+ Xét điều kiện thực tế, chứng cứ về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hai bên; đơn bà Hồ Thị S có nội dung đồng ý chia đôi lô đất đang tranh chấp mỗi bên 500m².

Quyết định giải quyết của UBND thành phố Pleiku giải quyết chia đôi diện tích 1.000m² đất đang tranh chấp giữa bà Hồ Thị S và ông Dương Quang L, mỗi bên 500m², theo đó ông Dương Quang L được nhận 500m² đất, có tứ cận như sau: Phía Đông 20m giáp đường đi vào khu dân cư (Đoàn địa chất 701 cũ); phía Tây 20m giáp với lô đất bà Hồ Thị S được chia; phía Nam 25m giáp đường NBK; phía Bắc 25m giáp với đất vườn bà Hồ Thị S ông L không đồng ý kết quả giải quyết này nên khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngày 10/12/2012, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UBND giải quyết: không công nhận nội dung khiếu nại của ông Dương Quang L; công nhận Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Chủ tịch UBND thành phố P.

UBND tỉnh Gia Lai đã căn cứ Điều 127, Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Khoản 2, Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Căn cứ đơn của ông Dương Quang L, cư trú tại 817 Đường P, phường Y thành phố P yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai (lần 2) giữa hộ gia đình ông L với hộ bà Hồ Thị S (chồng là ông Nguyễn Đình L2) cư trú tại Tổ 4, phường Y, thành phố P; Căn cứ quá trình quản lý sử dụng đất thực tế của ông Dương Quang L và bà Hồ Thị S; Căn cứ quá trình giải quyết của các cơ quan chức năng và báo cáo số 176/BC-TTr, ngày 30/10/2012 của Thanh tra về kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của ông Dương Quang L, phường Y, thành phố P để ban hành Quyết định số 1317/QĐ - UBND ngày 10/12/2012.

Xét thấy, kết quả giải quyết vụ việc trước đây theo Quyết định 1046/QĐ-CT ngày 09/12/2005 của Chủ tịch UBND thành phố P và Quyết định số 516/QĐ-CT ngày 13/4/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai công nhận toàn bộ diện tích 1.000m² đất tranh chấp cho ông Dương Quang L là không hợp tình, hợp lý. Bởi lẽ, trong vụ việc tranh chấp này, cả hai đều không có cơ sở pháp lý để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp; về thực tế cả hai đều có căn cứ để sử dụng đất và đều có quá trình sử dụng đất trên diện tích đang tranh chấp. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh thấy kết quả giải quyết lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố P theo Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012, giải quyết chia đôi lô đất tranh chấp, mỗi bên 500m² (25mx20m) mặt tiền đường NBK là thấu tình, đạt lý.

Từ những cơ sở trên, Chủ tịch UBND tỉnh giữ nguyên kết quả giải quyết

vụ việc tại Quyết định số 1317/QĐ - UBND ngày 10/12/2012 “Về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Quang L và hộ bà Hồ Thị S (đã được Chủ tịch UBND thành phố P giải quyết lần đầu tại Quyết định số 1771/QĐ- UBND ngày 24/8/2012)”.

Thực tế hiện nay cho thấy, kết quả giải quyết trên đã đem lại sự đồng thuận của gia đình bà Hồ Thị S, đến nay gia đình bà S không có khiếu nại gì.

4. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố P là ông Nguyễn Kim Đại trình bày:

Giữa các bên tranh chấp chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 1, 2 và 5 Luật Đất đai nên thẩm quyền giải quyết là của Chủ tịch UBND cấp huyện. Việc chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình bà Hồ Thị S với gia đình ông Dương Quang L trên lô đất tại Tổ 04, phường Y, thành phố P là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 136 Luật đất đai 2013.

Trước đây, việc giao đất cho ông Dương Quang L và gia đình bà Hồ Thị S là chưa đúng quy định của pháp luật. Do đó, cả 02 bên đều chưa có quyền sử dụng đất hợp pháp trên diện tích đất này. Tuy nhiên, cả hai bên đều có các yếu tố về nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, để xem xét giao lại đất. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định giải quyết số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012, trong đó chia đôi diện tích 1.000m² mỗi bên một nửa là có lý, có tình. Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai giải quyết lần 02 đã công nhận quyết định của Chủ tịch UBND thành phố.

Như vậy Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Chủ tịch UBND thành phố P ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục, nội dung, căn cứ pháp lý đúng quy định của pháp luật. Do đó, UBND thành phố giữ nguyên quan điểm theo Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Chủ tịch UBND thành phố.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị S trình bày: Hiện tại Lô đất là đối tượng được giải quyết trong quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Chủ tịch UBND thành phố, gia đình bà đã sang nhượng cho ông Hồ Xuân C, bà Trần Thị H 200m²; ông Phạm Xuân T 200m² và tặng cho toàn bộ diện tích 100m² cho bà Nguyễn Thị Thùy V. Do đó bà không còn quyền gì đối với lô đất trên. Nên đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Quang L, bà không có ý kiến gì.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Hồ Xuân C, bà Trần Thị H có lời khai trình bày: Việc mua bán chuyển nhượng đất giữa chúng tôi với bà Hồ Thị S là đúng quy định của pháp luật. Trong vụ án này chúng tôi không có ý

kiên gì và đề nghị không tham gia tố tụng.

7. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Xuân T2 có lời khai trình bày:* Việc mua bán chuyển nhượng đất giữa tôi với bà Hồ Thị S là đúng quy định của pháp luật. Trong vụ án này chứng tôi không có ý kiến gì và đề nghị không tham gia tố tụng.

8. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thùy V trình bày:* Mẹ tôi là bà Hồ Thị S đã tặng cho tôi một lô đất và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 922317, cấp ngày 02/12/2015 là đúng quy định của pháp luật. Trong vụ án này tôi không có ý kiến gì và đề nghị không tham gia tố tụng.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

- Căn cứ điểm c khoản 1 điều 30, điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/1/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, 204, 206 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 136 của Luật Đất đai 2003, Điều 160, 161, 163 của Nghị định 181/2004/ND-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Luật khiếu nại.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 98, khoản 1 Điều 91 của Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của Dương Quang L về “Yêu cầu hủy Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Chủ tịch UBND thành phố P tỉnh Gia Lai về việc giải quyết tranh chấp đất giữa gia đình bà Hồ Thị S với gia đình ông Dương Quang L trên lô đất tại Tổ 4, phường Y, thành phố P và Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Quang L và hộ bà Hồ Thị S (đã được UBND thành phố P giải quyết lần đầu tại Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 29/9/2017, người khởi kiện ông Dương Quang L kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Vì xử không công bằng, gây thiệt hại đến tài sản và tinh thần cho gia đình ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, người khởi kiện ông Dương Quang L không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo. Yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

Tòa xét:

[1] Về nguồn gốc và quá trình giải quyết:

Xuất phát từ việc sử dụng đất giữa ông Dương Quang L và ông Nguyễn Đình L2, hai bên tranh chấp. Nền ngày 12/7/1993 UBND xã B giải quyết là: Ông Nguyễn Đình L2 sau khi thu hoạch hoa màu đến hết ngày 30/12/1993 giao lại 1.000m² đất cho ông Dương Quang L, không ghi kích thước, vị trí giới cận. Việc giải quyết này vẫn không có kết quả, ông Nguyễn Đình L2 vẫn sử dụng diện tích đất để trồng cây.

Ngày 01/7/2005 ông tiếp tục khiếu nại. Ngày 09/12/2005, Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 1046/QĐ-CT giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất. Chấp nhận kiến nghị của ông L, ông Nguyễn Đình L2 có trách nhiệm giao trả 1.000m² đất nông nghiệp cho ông Dương Quang L.

Không đồng ý với quyết định này, ông Dương Quang L khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai. Ngày 27/12/2005, Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 516/QĐ-CT không chấp nhận khiếu nại của ông Dương Quang L, giữ nguyên Quyết định số 1046/QĐ-CT của Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Không đồng ý với Quyết định số 516/QĐ-CT ngày 27/12/2005 của UBND tỉnh Gia Lai, bà Hồ Thị S (là vợ ông Nguyễn Đình L2, lúc này đã chết) tiếp tục khiếu nại. Ngày 07/5/2006, Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 636/QĐ-UBND bãi bỏ với Quyết định số 516/QĐ-CT ngày 27/12/2005 của UBND tỉnh Gia Lai và Quyết định số 1046/QĐ-CT của Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai; Giao Chủ tịch UBND thành phố P kiểm tra, xác minh và giải quyết lại vụ việc tranh chấp này.

Ngày 24/8/2012, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 1771/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất giữa gia đình bà Hồ Thị S và ông Dương Quang L, thể hiện:

Đối với ông Dương Quang L: Việc Tập đoàn thôn 5, xã B giao đất cho ông Dương Quang L được UBND xã B xác nhận năm 1991 là sai thẩm quyền, quy định tại Điều 13, Luật đất đai năm 1987. Sau khi được giao đất, ông L có nhận đất để sử dụng: đào giếng, trồng cà phê.

Đối với bà Hồ Thị S: Năm 1978, Tập đoàn sản xuất X, thôn 5, xã B được thành lập, toàn bộ diện tích đất sản xuất nhân dân tự khai hoang từ trước đều đưa vào Tập đoàn để làm ăn tập thể. Phần đất 1.000m² này, gia đình bà S sử dụng ngoài hạn mức đã được giao theo quy định của Tập đoàn lúc bấy giờ là trái quy định tại Điều 27 Luật đất đai năm 1987.

Bà Hồ Thị S có yêu cầu đồng ý chia đôi lô đất đang tranh chấp mỗi bên là 500m².

Từ đó UBND thành phố P Quyết định giải quyết chia đôi diện tích 1.000m² đất đang tranh chấp giữa bà Hồ Thị S và ông Dương Quang L mỗi bên 500m²; đất ông L có giới cận: Hướng Đông 20m giáp đường đi vào khu dân cư (Đoàn địa chất 701 cũ); Hướng tây 20m giáp với lô đất bà Hồ Thị S được chia; Hướng Nam 25m giáp đường NBK; Hướng Bắc 25m giáp với đất vườn bà Hồ Thị S.

[2] Ông Dương Quang L không đồng ý với kết quả giải quyết này, ông khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

Ngày 10/12/2012, Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UBND không công nhận nội dung khiếu nại của ông Dương Quang L, giữ nguyên Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Chủ tịch UBND thành phố P.

[3] Xét việc ban hành Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai là đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật đất đai năm 2003.

Do vậy, Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Chủ tịch UBND thành phố P và Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai là đúng pháp luật. Vì đất tranh chấp giữa các bên không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 5 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

UBND thành phố P và UBND tỉnh Gia Lai căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thực tế của hai bên, tham khảo ý kiến của UBND xã B, các hộ sử dụng đất liền kề để giải quyết là đúng pháp luật, quy định tại Điều 161 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thi hành Luật đất đai năm 2003.

Nên án sơ thẩm xử bác Đơn của người khởi kiện ông Dương Quang L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Dương Quang L. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông không có chứng cứ gì mới, khác so với án sơ thẩm. Nên bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện ông Dương Quang L giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, đúng pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của ông Dương Quang L không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm (đã nộp).

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính;
- Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:
- Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Dương Quang L và giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2017/HC-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010
- Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính.
- Căn cứ khoản 2 Điều 34 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 136 của Luật đất đai 2003.
- Căn cứ Điều 160, 161, 163 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thi hành Luật đất đai và Luật khiếu nại.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Dương Quang L, về: “Yêu cầu hủy Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012 của Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết tranh chấp đất giữa gia đình bà Hồ Thị S với gia đình ông Dương Quang L trên lô đất tại Tổ 4, phường Y, thành phố P; và Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 10/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Dương Quang L và hộ bà Hồ Thị S (đã được UBND thành phố P giải quyết lần đầu tại Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 24/8/2012)”.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Dương Quang L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0001799 ngày 09/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Ông Dương Quang L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 31/5/2018.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long